

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST

Ngày: 28-01-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Cao.

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Em - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 294/2020/TLST-DS, ngày 15/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Trụ sở chính: Số 02 Láng Hạ, phường T, quận B, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Tổng Giám đốc Ngân hàng A. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn T – Giám đốc Ngân hàng A - Chi nhánh số 1 (theo văn bản ủy quyền số: 2965/QĐ-NHNo-PC, ngày 27 tháng 12 năm 2019). Địa chỉ chi nhánh: Số 85 Quang Trung, Khóm A, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Người đại diện theo ủy quyền ông Ngô Văn T: Ông Nguyễn Minh P (Theo văn bản ủy quyền số: 56/GUQ-NHNoCN1, ngày 28 tháng 01 năm 2021) (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Hiệp N, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm C, Phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 10 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Minh P trình bày: Ngày 29/01/2016, Ngân hàng A và ông Trần Hiệp N ký kết Hợp đồng tín dụng số: 24/HĐTD. Số tiền vay là 50.000.000 đồng. Thời hạn trả tiền vay là ngày 29/3/2020. Mục đích vay mua sắm đồ dùng. Ông N đã trả cho Ngân hàng số tiền 33.036.400 đồng. Trong đó: Vốn gốc: 17.018.200 đồng và lãi 16.018.200 đồng). Dư nợ hiện tại là 32.981.800 đồng. Tiền lãi tính đến ngày 28/01/2021 là 8.749.009 đồng (Lãi trong hạn 6.900.862 đồng; lãi quá hạn 1.848.147 đồng). Trong quá trình vay vốn thì ông Trần Hiệp N đã vi phạm hợp đồng tín dụng, không trả gốc và lãi đúng hạn. Ngân hàng đã nhiều lần cử cán bộ đến làm việc với ông N nhưng ông N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Hiệp N có trách nhiệm trả vốn gốc và lãi với số tiền 41.730.809 đồng. Trong đó: Vốn gốc là 32.981.800 đồng và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 28/01/2021 là 8.749.009 đồng (Lãi trong hạn 6.900.862 đồng; lãi quá hạn 1.848.147 đồng). Ngoài ra, ông N còn phải chịu lãi phát sinh cho đến khi tất toán xong nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng.

- Bị đơn ông Trần Hiệp N vắng mặt nên không có lời khai.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, đương sự tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Trần Hiệp N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2 nhưng ông Trần Hiệp N vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Hiệp N.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp, các đương sự tranh chấp hợp đồng vay nên được thụ lý theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

[2] Về nội dung vụ án: Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A yêu cầu bị đơn ông Trần Hiệp N có trách nhiệm trả vốn gốc và lãi với số tiền 41.730.809 đồng. Trong đó: Vốn gốc là 32.981.800 đồng và lãi phát sinh tạm tính

đến ngày 28/01/2021 là 8.749.009 đồng (Lãi trong hạn 6.900.862 đồng; lãi quá hạn 1.848.147 đồng). Ngoài ra, ông Trần Hiệp N còn phải chịu lãi phát sinh cho đến khi tất toán xong nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng.

[2.1] Về nợ gốc: Căn cứ hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số: 24/HĐTD, ngày 29/01/2016, được ký kết giữa Ngân hàng A với ông Trần Hiệp N. Hợp đồng được ký kết là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật. Ngân hàng đã giải ngân cho ông N nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng. Quá trình vay vốn thì ông N đã vi phạm Điều 6 Hợp đồng tín dụng số: 24/HĐTD ngày 29/01/2016, cụ thể ông N không trả vốn gốc và lãi đúng hạn cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở cũng như đã cử người xuống làm việc với ông N nhưng ông N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Dư nợ hiện tại là 32.981.800 đồng. Việc Ngân hàng yêu cầu ông Trần Hiệp N trả vốn gốc với số tiền 32.981.800 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về nợ lãi: Theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số: 24/HĐTD ngày 29/01/2016 thể hiện: Lãi suất vay là 10,0%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150%. Căn cứ Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật. Quá trình vay vốn ông N vi phạm nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng nên việc Ngân hàng yêu cầu ông N trả trả nợ lãi tạm tính đến ngày 28/01/2021 là 8.749.009 đồng (Lãi trong hạn 6.900.862 đồng; lãi quá hạn 1.848.147 đồng) và tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ chấp nhận. Đối với số tiền ông N trả nợ lãi cho Ngân hàng có sự mâu thuẫn, tại phiên tòa hôm nay đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Ngân hàng cho rằng là do có sự nhầm lẫn thực tế ông N chỉ trả nợ lãi cho Ngân hàng với số tiền là 12.459.360 đồng. Xét, theo phụ lục hợp đồng và bảng theo dõi thu nợ, chuyển nợ quá hạn, dư nợ thể hiện số tiền ông N trả nợ lãi cho Ngân hàng là 12.459.360 đồng không phải là 16.018.200 đồng theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2020. Do đó, số tiền nợ lãi mà ông N đã trả cho Ngân hàng 12.459.360 đồng là có căn cứ.

[3] Đối với việc ông N, đã bỏ địa phương đi nơi khác. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố T tiến hành xác minh tại Công an Phường C thì được biết ông N không còn ở địa phương [BL 29]. Tòa án nhân dân thành phố T thực hiện việc thông báo cho ông N biết về sự việc Ngân hàng khởi kiện ông nhưng ông N không thực hiện nghĩa vụ của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng, coi như ông N từ bỏ nghĩa vụ chứng minh đối với yêu cầu của người khởi kiện theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Từ những nhận định và phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Hiệp N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 92, 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A.

Buộc bị đơn ông Trần Hiệp N phải thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền 41.730.809 đồng. Trong đó: Vốn gốc là 32.981.800 đồng và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 28/01/2021 là 8.749.009 đồng (Lãi trong hạn 6.900.862 đồng; lãi quá hạn 1.848.147 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Hiệp N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 24/HĐTD ngày 29/01/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số: 24/HĐTD ngày 29/01/2016 các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Trần Hiệp N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.086.540 đồng (*Hai triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm bốn mươi đồng*).

2.2. Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí 963.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0003822 ngày 14/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADSTPTV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

5
**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Minh Thơ